

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình 135,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh khu vực 105 xã của 25 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc vùng dân tộc và miền núi, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh 30 xã từ khu vực III sang xã khu vực II;
- Điều chỉnh 03 xã từ khu vực III sang xã khu vực I;
- Điều chỉnh 72 xã từ khu vực II sang xã khu vực I.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế nội dung các xã có tên tương ứng trong Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- BT, CN và các TT, PCN UBND;
- Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Website UBND;
- Lưu: VT, VP135 (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỦ TƯỚNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Sơn Phước Hoan



DANH SÁCH XÃ ĐIỀU CHỈNH KHU VỰC I, II, III VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Ban hành kèm theo Quyết định số **73** /QĐ-UBND ngày **29** tháng **02** năm 2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc) *h*

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND	Sang khu vực
	TỔNG SỐ	105		
1.	TỈNH VINH PHÚC	3		
	HUYỆN TAM ĐẢO			
		Xã Yên Dương	III	II
		Xã Bồ Lý	II	I
		Xã Đạo Trù	II	I
2.	TỈNH QUẢNG NINH	5		
	HUYỆN TIỀN YÊN			
		Xã Diên Xá	III	II
	HUYỆN HOÀNH BỒ			
		Xã Tân Dân	II	I
	HUYỆN BA CHẾ			
		Xã Lương Mông	II	I
		Xã Minh Cầm	II	I
	HUYỆN ĐÀM HÀ			
		Xã Quảng Tân	II	I
3.	TỈNH HÀ GIANG	3		
	HUYỆN QUẢN BA			
		Thị trấn Tam Sơn	II	I
		Xã Đông Hà	II	I
	HUYỆN HOÀNG SU PHÌ			
		Xã Thông Nguyên	II	I
4.	TỈNH TUYÊN QUANG	4		
	HUYỆN LÂM BÌNH			
		Xã Thượng Lâm	III	II
	HUYỆN CHIÊM HÓA			
		Xã Kim Bình	III	II
	HUYỆN YÊN SƠN			
		Xã Mỹ Bằng	II	I
	HUYỆN SƠN DƯƠNG			
		Xã Tân Trào	II	I
5.	TỈNH LAO CAI	4		
	HUYỆN BẢO YÊN			
		Xã Nghĩa Đô	III	II
		Xã Yên Sơn	II	I
	HUYỆN VĂN BÀN			

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND	Sang khu vực
		Xã Hòa Mạc	II	I
	HUYỆN BÁT XÁT			
		Xã Cốc Sơn	II	I
6. TỈNH THÁI NGUYÊN		7		
	HUYỆN VÕ NHAI			
		Xã Lâu Thượng	II	I
	HUYỆN ĐỊNH HÓA			
		Xã Bảo Cường	III	II
		Xã Phượng Tiến	III	II
	HUYỆN ĐÔNG HỖ			
		Xã Minh Lập	II	I
		Xã Hương Thượng	II	I
		Xã Khe Mo	II	I
	HUYỆN ĐẠI TỪ			
		Xã Bàn Ngoại	II	I
7. TỈNH PHÚ THỌ		4		
	HUYỆN CẨM KHÈ			
		Xã Tuy Lộc	II	I
		Xã Thanh Nga	II	I
	HUYỆN THANH THỦY			
		Xã Tu Vũ (2 khu)	II	I
		Xã Thạch Đồng (2khu)	II	I
8. TỈNH ĐIỆN BIÊN		1		
	TP. ĐIỆN BIÊN PHỦ			
		Xã Thanh Minh	II	I
9. TỈNH LAI CHÂU		4		
	HUYỆN THAN UYÊN			
		Xã Hua Nà	III	II
	HUYỆN MƯỜNG TÈ			
		Xã Mường Tè	III	II
		Thị trấn Mường Tè	II	I
	HUYỆN NẬM NHÙN			
		Thị trấn Nậm Nhùn	II	I
10. TỈNH SƠN LA		2		
	HUYỆN QUỲNH NHAI			
		Xã Chiềng Bằng	II	I
		Xã Mường Chiên	II	I
11. TỈNH HÒA BÌNH		2		
	HUYỆN TÂN LẠC			
		Xã Từ Nê	II	I
	HUYỆN LƯƠNG SƠN			
		Xã Trường Sơn	II	I

48

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND	Sang khu vực
12. TỈNH THANH HÓA		2		
	HUYỆN BÁ THƯỚC			
		Xã Điền Lư	II	I
	HUYỆN NHƯ THANH			
		Xã Yên Thọ	II	I
13. TỈNH NGHỆ AN		3		
	HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG			
		Xã Thạch Giám	III	II
	HUYỆN NGHĨA ĐÀN			
		Xã Nghĩa Long	II	I
	HUYỆN QUÝ HỢP			
		Xã Nghĩa Xuân	II	I
14. TỈNH HÀ TĨNH		5		
	HUYỆN KỶ ANH			
		Xã Kỳ Trung	III	I
	THỊ XÃ KỶ ANH			
		Phường Kỳ Thịnh	II	I
		Phường Kỳ Trinh	II	I
	HUYỆN VŨ QUANG			
		Hương Minh	II	I
	HUYỆN HƯƠNG SƠN			
		Xã Sơn Kim I	II	I
15. TỈNH QUẢNG TRỊ		2		
	HUYỆN ĐÀK RÔNG			
		Xã Hải Phúc	II	I
	HUYỆN HƯỚNG HÓA			
		Xã Tân Hợp	II	I
16. TỈNH QUẢNG NAM		1		
	HUYỆN ĐÔNG GIANG			
		Xã Ba	II	I
17. TỈNH PHŨ YÊN		3		
	HUYỆN SÔNG HÌNH			
		Xã Ea Ly	III	II
		Xã Sơn Giang	II	I
		Xã Đức Bình Tây	II	I
18. TỈNH KON TUM		1		
	HUYỆN ĐẮK HẠ			
		Xã Đăk Mar	II	I
19. TỈNH GIA LAI		5		
	HUYỆN CHƯ SÊ			
		Xã Ia Blang	II	I
		Xã AlBă	III	II

43

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND	Sang khu vực
	HUYỆN ĐỨC CỐ			
		Xã Ia Dom	II	I
		Xã Ia Lang	III	II
	HUYỆN ĐAK ĐOÀ			
		Xã K'Dang	II	I
20.	TỈNH LÂM ĐỒNG	13		
	HUYỆN ĐƠN DƯƠNG			
		Xã Ka Đơn	III	II
		Xã Đa Ròn	III	II
		Xã P'ró	III	II
	HUYỆN ĐA TÊH			
		Xã Quảng Trị	III	II
		Xã An Nhơn	II	I
		Xã Đa Lây	II	I
		Xã Mỹ Đức	II	I
	HUYỆN LẠC DƯƠNG			
		Xã Đa Nhim	II	I
		Xã Đa Sar	II	I
	HUYỆN ĐỨC TRỌNG			
		Xã Ninh Loan	II	I
	HUYỆN ĐA HUOAI			
		Xã Đa Oai	II	I
	HUYỆN CÁT TIÊN			
		Thị trấn Cát Tiên	II	I
		Xã Quảng Ngãi	II	I
21.	TỈNH BÌNH PHƯỚC	3		
	HUYỆN ĐÔNG PHÚ			
		Tân Hòa	II	I
		Tân Hưng	II	I
	HUYỆN HÓN QUẢN			
		Thanh An	II	I
22.	TỈNH TRÀ VINH	8		
	HUYỆN CẦU KÈ			
		Xã Phong Phú	III	II
		Xã Châu Điền	II	I
	HUYỆN TRÀ CÚ			
		Xã Đại An	III	II
		Xã Ngọc Biên	III	I
	HUYỆN TIỂU CÀN			
		Xã Hùng Hòa	III	II
		Xã Long Thới	III	II
		Xã Tân Hùng	III	II

12/

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND	Sang khu vực
	HUYỆN CẦU NGANG			
		Xã Kim Hòa	III	II
23.	TỈNH KIÊN GIANG	2		
	HUYỆN CHÂU THÀNH			
		Xã Minh Hòa	II	I
	HUYỆN VĨNH THUẬN			
		Xã Phong Đông	II	I
24.	TỈNH SÓC TRĂNG	14		
	HUYỆN CHÂU THÀNH			
		Xã Hồ Đắc Kiên	III	II
		Xã Phú Tân	III	II
	HUYỆN LONG PHÚ			
		Xã Trường Khánh	III	II
		Xã Tân Thạnh	II	I
	HUYỆN TRẦN ĐỀ			
		Xã Thạnh Thới Thuận	III	I
	THỊ XÃ NGÃ NĂM			
		Xã Tân Long	III	II
		Vĩnh Biên (Phường 3)	III	II
		Phường 1	II	I
	HUYỆN MỸ XUYẾN			
		Xã Hòa Tú 2	III	II
		Xã Ngọc Đông	II	I
		Xã Ngọc Tô	II	I
		Xã Đại Tâm	III	II
	HUYỆN KẾ SÁCH			
		Xã Ba Trinh	II	I
		Xã Phong Năm	II	I
25.	TỈNH CÀ MAU	4		
	HUYỆN NGỌC HIỀN			
		Xã Tân Ân	II	I
		Xã Tân Ân Tây	II	I
	HUYỆN NĂM CĂN			
		Xã Lâm Hải	II	I
	HUYỆN PHÚ TÂN			
		Xã Tân Hải	II	I